

Quản trị doanh nghiệp theo hướng bền vững: Thực tiễn triển khai ESG tại Việt Nam

Nguyễn Thị Hồng*

Khoa Quản trị Kinh doanh 1, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Km10 Nguyễn Trãi, phường Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài 3/1/2026; ngày chuyển phản biện 5/1/2026; ngày nhận phản biện 22/1/2026; ngày chấp nhận đăng 30/1/2026

Tóm tắt:

Bài báo phân tích thực tiễn triển khai các tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG - Environmental, Social, and Governance) trong quản trị doanh nghiệp tại Việt Nam trong bối cảnh xu hướng phát triển bền vững trên toàn cầu. Dựa trên phân tích dữ liệu thứ cấp, nghiên cứu đánh giá mức độ áp dụng ESG ở ba nhóm chủ thể: doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs), cùng các ngân hàng và tổ chức tài chính. Kết quả cho thấy, dù một số doanh nghiệp tiên phong đã bước đầu tích hợp ESG vào chiến lược quản trị, phần lớn doanh nghiệp vẫn đối mặt với nhiều rào cản như thiếu khung tiêu chuẩn và hướng dẫn cụ thể, hạn chế về nguồn lực và nhân lực chuyên môn, cũng như thiếu hệ thống dữ liệu hỗ trợ. Đáng chú ý, tồn tại khoảng cách rõ rệt giữa nhận thức và hành động trong triển khai ESG, đặc biệt ở khu vực SMEs. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các chính sách nhằm thúc đẩy thực hành ESG tại Việt Nam, bao gồm hoàn thiện khung tiêu chuẩn ESG quốc gia, phát triển nhân lực chuyên sâu, xây dựng cơ sở dữ liệu ESG tập trung và tăng cường các cơ chế tài chính hỗ trợ. Những khuyến nghị này góp phần thúc đẩy tích hợp ESG vào quản trị doanh nghiệp, hướng tới phát triển kinh tế xanh, bền vững.

Từ khóa: chính sách ESG, phát triển bền vững, quản trị doanh nghiệp, tài chính bền vững, Việt Nam.

Chỉ số phân loại: 5.2, 5.12

Sustainability-oriented corporate governance: The implementation of ESG practices in Vietnam

Thi Hong Nguyen*

Faculty of Business Administration No. 1, Posts and Telecommunications Institute of Technology, Km10 Nguyen Trai Street, Ha Dong Ward, Hanoi, Vietnam

Received 3 January 2026; revised 22 January 2026; accepted 30 January 2026

Abstract:

The article analyses the practical implementation of environmental, social, and governance (ESG) standards in corporate governance in Vietnam within the context of the growing global trend towards sustainable development. Based on secondary data analysis, the study assesses the level of ESG adoption across three key groups: large enterprises, small and medium-sized enterprises (SMEs), and banks and financial institutions. The findings indicate that while some pioneering firms have begun integrating ESG into their governance strategies, most enterprises still face significant barriers, including the lack of standardised frameworks and practical guidelines, limited financial and human resources, and insufficient supporting data systems. Notably, a clear gap exists between awareness and actual implementation of ESG, particularly among SMEs. Given these findings, the study proposes policy recommendations to promote ESG practices in Vietnam, including the completion of a national ESG framework, the enhancement of specialised human resources, the establishment of a centralised ESG database, and the strengthening of financial support mechanisms. These recommendations are expected to facilitate the integration of ESG into corporate governance, contributing to the development of a green and sustainable economy.

Keywords: environmental, social, and governance policies, corporate governance, sustainable development, sustainable finance, Vietnam.

Classification numbers: 5.2, 5.12

*Email: hongnt@ptit.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển dịch sang mô hình phát triển bền vững, các doanh nghiệp trên thế giới đang đối mặt với áp lực ngày càng lớn, không chỉ về hiệu quả kinh tế mà còn về trách nhiệm môi trường, xã hội và quản trị. Các vấn đề như biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường, bất bình đẳng xã hội và khủng hoảng niềm tin vào quản trị doanh nghiệp đã thúc đẩy sự hình thành các chuẩn mực quản trị hướng tới phát triển dài hạn và bền vững. Trong xu thế đó, ESG đã nổi lên như một khung tiếp cận quan trọng giúp doanh nghiệp và nhà đầu tư đánh giá tác động tổng thể của hoạt động kinh doanh vượt ra ngoài các chỉ tiêu tài chính truyền thống.

Theo PricewaterhouseCoopers (PwC) (2021) [1], 79% nhà đầu tư toàn cầu coi ESG là yếu tố quan trọng trong quyết định đầu tư và gần một nửa sẵn sàng rút vốn khỏi các doanh nghiệp có thực hành ESG chưa đầy đủ. Điều này cho thấy, ESG không chỉ mang ý nghĩa đạo đức hay trách nhiệm xã hội mà đã trở thành một yếu tố chiến lược ảnh hưởng trực tiếp tới năng lực cạnh tranh và khả năng tiếp cận nguồn vốn của doanh nghiệp. Được định hình rõ từ báo cáo *Who Cares Wins: Connecting Financial Markets to A Changing World* của Liên hợp quốc (2004) [2], ESG bao gồm ba trụ cột chính: môi trường (E), xã hội (S) và quản trị (G), phản ánh cách tiếp cận toàn diện đối với hiệu quả và tính bền vững của tổ chức.

Về mặt lý thuyết, ESG gắn với lý thuyết các bên liên quan khi xem doanh nghiệp là một hệ thống tương tác với nhiều nhóm lợi ích khác nhau thay vì chỉ tối đa hóa lợi ích cổ đông [3]. Đồng thời, mô hình Triple Bottom Line nhấn mạnh sự cân bằng giữa hiệu quả kinh tế, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường như nền tảng của phát triển bền vững [4]. Thực tế cho thấy, các doanh nghiệp chú trọng yếu tố ESG có tỷ suất sinh lời và hiệu quả tài chính cao hơn so với đối thủ [5]. Hai cách tiếp cận này cung cấp cơ sở để phân tích mức độ và cách thức doanh nghiệp chuyển hóa các yêu cầu phát triển bền vững thành hoạt động quản trị thực tiễn.

Tại Việt Nam, ESG mới được quan tâm mạnh mẽ trong khoảng 3-5 năm gần đây, chủ yếu trong nhóm doanh nghiệp niêm yết, doanh nghiệp xuất khẩu và các tổ chức tài chính. Theo PwC (2022) [6], khoảng 80% doanh nghiệp đã cam kết hoặc có kế hoạch triển khai ESG. Tuy nhiên, quá trình thực thi vẫn ở giai đoạn ban đầu, thiếu khung hướng dẫn thống nhất và năng lực triển khai chưa đồng đều giữa các nhóm doanh nghiệp. Đồng thời, các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (EVFTA) đang gia tăng yêu cầu về tiêu chuẩn môi trường, lao động và minh bạch quản trị, tạo ra cả áp lực chuyển đổi lẫn cơ hội tái cấu trúc mô hình quản trị theo hướng bền vững. Thực chứng cho thấy, các doanh nghiệp chú trọng yếu tố ESG có tỷ suất sinh lợi và hiệu quả tài chính cao hơn so với đối thủ [5].

Mặc dù ESG ngày càng được nghiên cứu và thảo luận rộng rãi, vẫn tồn tại một số khoảng trống nghiên cứu đáng chú ý. Thứ nhất, mối quan hệ và vai trò tương tác giữa các nhóm chủ thể chính

trong hệ sinh thái ESG, bao gồm doanh nghiệp lớn, SMEs và các tổ chức tài chính, chưa được phân tích trong cùng một khung lý thuyết thống nhất. Thứ hai, phần lớn nghiên cứu hiện nay tập trung vào mức độ cam kết hoặc công bố thông tin ESG, trong khi khoảng cách giữa nhận thức và hành động triển khai thực tế, cũng như các rào cản mang tính cấu trúc như thể chế, nguồn lực và hạ tầng dữ liệu, vẫn chưa được làm rõ. Thứ ba, bối cảnh Việt Nam với đặc trưng là nền kinh tế chuyển đổi, tỷ trọng SMEs lớn, khung pháp lý ESG đang hoàn thiện và thị trường tài chính đang phát triển đòi hỏi một cách tiếp cận phân tích phù hợp với điều kiện nội tại thay vì áp dụng trực tiếp các mô hình quốc tế.

Từ góc độ chiến lược, M.E. Porter, et al. (2011) [7] cho rằng, giá trị kinh tế và giá trị xã hội có thể được đồng tạo ra thông qua đổi mới mô hình kinh doanh. ESG vì vậy trở thành cầu nối giữa hiệu quả tài chính và phát triển bền vững dài hạn. Tuy nhiên, tại Việt Nam, các nghiên cứu thực nghiệm về triển khai ESG vẫn còn hạn chế và thường tập trung vào từng nhóm đối tượng riêng lẻ. Do đó, cần thiết có một phân tích mang tính hệ thống nhằm làm rõ thực tiễn triển khai ESG, sự khác biệt giữa các nhóm chủ thể và các rào cản trong quá trình chuyển đổi sang quản trị doanh nghiệp bền vững.

2. Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa lý thuyết các bên liên quan và mô hình ba trụ cột phát triển bền vững, qua đó cung cấp nền tảng phân tích cho việc đánh giá thực tiễn triển khai ESG trong doanh nghiệp.

Theo R.E. Freeman (1984) [3], lý thuyết các bên liên quan cho rằng doanh nghiệp không chỉ chịu trách nhiệm đối với cổ đông mà còn đối với nhiều nhóm lợi ích khác như người lao động, khách hàng, nhà cung cấp, cộng đồng và cơ quan quản lý. Trong bối cảnh đó, việc tích hợp các tiêu chí ESG trong quản trị doanh nghiệp phản ánh cách tiếp cận quản trị hướng tới cân bằng lợi ích của các bên liên quan và tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình.

Bên cạnh đó, mô hình ba trụ cột phát triển bền vững do J. Elkington (1997) [4] đề xuất nhấn mạnh rằng, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp cần được đánh giá không chỉ trên khía cạnh kinh tế mà còn trên hai phương diện xã hội và môi trường. Ba trụ cột gồm: (i) hiệu quả kinh tế, (ii) trách nhiệm xã hội và (iii) bảo vệ môi trường. Cách tiếp cận này tương thích với cấu trúc của ESG, trong đó các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị được xem như những tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu sử dụng hai khung lý thuyết này làm nền tảng để phân tích thực tiễn triển khai ESG tại Việt Nam, đồng thời đánh giá sự khác biệt về động lực và rào cản giữa các nhóm doanh nghiệp trong quá trình áp dụng ESG.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích dữ liệu thứ cấp nhằm đánh giá thực tiễn triển khai ESG trong quản trị doanh

ngành tại Việt Nam. Dữ liệu được tổng hợp từ các báo cáo và nghiên cứu liên quan đến ESG do các tổ chức như PwC, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) và Ngân hàng Thế giới (World Bank) công bố trong giai đoạn 2018-2024.

Để phân tích sự khác biệt trong triển khai ESG, nghiên cứu phân loại đối tượng thành ba nhóm gồm: (i) doanh nghiệp lớn, (ii) doanh nghiệp vừa và nhỏ theo tiêu chí phân loại doanh nghiệp của Việt Nam, và (iii) các ngân hàng thương mại (NHTM). Việc lựa chọn ba nhóm này dựa trên sự khác biệt về quy mô nguồn lực, áp lực từ thị trường và vai trò trong hệ thống tài chính.

Trên cơ sở dữ liệu thu thập được, nghiên cứu tiến hành tổng hợp, so sánh và phân tích các rào cản triển khai ESG giữa các nhóm doanh nghiệp thông qua ma trận rào cản ESG. Việc phân tích được thực hiện dựa trên khung lý thuyết các bên liên quan và mô hình ba trụ cột phát triển bền vững nhằm làm rõ khoảng cách giữa nhận thức và hành động trong triển khai ESG tại các doanh nghiệp Việt Nam.

4. Kết quả và bàn luận

Dựa trên khung lý thuyết các bên liên quan của R.E. Freeman (1984) [3] và mô hình ba trụ cột phát triển bền vững của J. Elkington (1997) [4], nghiên cứu phân tích thực tiễn triển khai ESG trong quản trị doanh nghiệp tại Việt Nam thông qua bối cảnh thể chế, áp lực từ các bên liên quan và mức độ áp dụng ESG trong các nhóm doanh nghiệp khác nhau. Theo cách tiếp cận này, việc triển khai ESG không chỉ phản ánh nỗ lực nội tại của doanh nghiệp mà còn chịu tác động mạnh mẽ từ các chủ thể trong hệ sinh thái kinh tế như cơ quan quản lý nhà nước, nhà đầu tư, các tổ chức tài chính và thị trường quốc tế. Trên cơ sở đó, phần kết quả nghiên cứu tập trung phân tích bối cảnh thúc đẩy ESG tại Việt Nam, thực tiễn triển khai ESG trong các nhóm doanh nghiệp và các rào cản chính trong quá trình thực thi.

4.1. Bối cảnh triển khai ESG tại Việt Nam

4.1.1. Chính sách và khung pháp lý hỗ trợ ESG

Trong những năm gần đây, Chính phủ Việt Nam đã thể hiện cam kết rõ ràng trong việc thúc đẩy phát triển bền vững và lồng ghép các yếu tố ESG vào hệ thống chính sách kinh tế - xã hội. Điều này được phản ánh qua một loạt văn bản chiến lược và quy phạm pháp luật mang tính định hướng dài hạn.

Cụ thể, Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về phát triển bền vững giai đoạn 2021-2030 nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nâng cao nhận thức về các tiêu chuẩn ESG, khuyến khích doanh nghiệp áp dụng mô hình kinh doanh có trách nhiệm, và thúc đẩy việc minh bạch hóa thông tin môi trường, xã hội và quản trị [8]. Văn kiện này được xem là nền tảng quan trọng để định hình chính sách ESG ở cấp quốc gia.

Tiếp đó, Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 8/2/2022 phê duyệt “Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh

doanh bền vững giai đoạn 2022-2025” đã xác định ESG là một trong những nội dung then chốt trong cải cách doanh nghiệp, đặc biệt nhấn mạnh vai trò của ESG trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế [9].

Luật Bảo vệ môi trường 2020 là một trong những văn bản pháp lý đầu tiên tích hợp trực tiếp các nội dung phù hợp với tiêu chí E (Environment - môi trường) trong ESG [10]. Điều 30 của Luật quy định rõ về nghĩa vụ công bố thông tin môi trường của doanh nghiệp, bao gồm báo cáo định kỳ kết quả quan trắc môi trường, công khai kết quả đánh giá tác động môi trường, và tuân thủ tiêu chuẩn phát thải. Đây là nền tảng pháp lý để thực hiện giám sát môi trường minh bạch, phục vụ cho hoạt động báo cáo ESG.

Ngoài ra, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 96/2020/TT-BTC, trong đó hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, bao gồm cả yêu cầu lồng ghép các yếu tố phát triển bền vững trong báo cáo thường niên của doanh nghiệp niêm yết [11]. Theo Quyết định số 368/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tài chính đến năm 2030, các doanh nghiệp niêm yết và tổ chức tín dụng lớn sẽ phải công bố báo cáo ESG bắt buộc từ năm 2026 [12].

Ở cấp độ ngành, một số Bộ như Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường đã lồng ghép ESG vào các chương trình sản xuất và xuất khẩu bền vững, như chương trình sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, chiến lược phát triển thủy sản bền vững đến năm 2030 và kế hoạch hành động giảm phát thải khí nhà kính của ngành năng lượng.

Dưới góc độ lý thuyết các bên liên quan, sự hình thành các khung chính sách này phản ánh vai trò điều tiết của Nhà nước như một chủ thể quan trọng trong hệ sinh thái ESG, định hướng hành vi của doanh nghiệp nhằm đảm bảo lợi ích hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Thông qua các chính sách và quy định liên quan đến môi trường, lao động và quản trị minh bạch, cơ quan quản lý góp phần tạo áp lực thể chế thúc đẩy doanh nghiệp tích hợp các tiêu chí ESG vào chiến lược và hoạt động quản trị.

Như vậy, khung chính sách và pháp lý về ESG tại Việt Nam đang dần được hoàn thiện theo hướng hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, việc triển khai thực thi còn gặp nhiều khó khăn do thiếu hướng dẫn kỹ thuật cụ thể, năng lực giám sát còn hạn chế và chưa có bộ chỉ số ESG quốc gia thống nhất.

4.1.2. Áp lực từ các hiệp định thương mại và thị trường quốc tế

Việt Nam tham gia hàng loạt hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA và RCEP (Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực) đã đánh dấu sự hội nhập sâu rộng vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Các hiệp định này không chỉ mở rộng thị trường xuất khẩu mà còn kèm theo những ràng buộc chặt chẽ về tiêu chuẩn phát triển bền vững, đặc biệt trong các lĩnh vực lao động, môi trường và minh bạch quản trị.

Theo Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) (2021) [13], có đến 63% doanh nghiệp xuất khẩu tại Việt Nam phải đối mặt với yêu cầu từ đối tác quốc tế trong việc cung cấp bằng chứng thực hiện ESG một cách minh bạch và có hệ thống. Áp lực này không chỉ đến từ phía nhà nhập khẩu mà còn từ các tổ chức tài chính quốc tế khi doanh nghiệp cần tiếp cận tín dụng, bảo lãnh thương mại hoặc gọi vốn đầu tư nước ngoài.

Trong lĩnh vực dệt may - một trong những ngành xuất khẩu chủ lực, các thương hiệu lớn như H&M, Nike, Adidas, Uniqlo đều đã triển khai các bộ quy tắc ứng xử áp dụng cho toàn bộ chuỗi cung ứng. Các quy định này đòi hỏi nhà cung cấp tại Việt Nam phải đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, trả lương công bằng, không sử dụng lao động cưỡng bức hoặc trẻ em và giảm phát thải carbon trong quá trình sản xuất.

Tình trạng này không chỉ giới hạn trong ngành dệt may mà còn lan sang điện - điện tử, chế biến gỗ, thủy sản, nơi mà các thị trường nhập khẩu như EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản và Hàn Quốc ngày càng nâng cao tiêu chuẩn ESG trong kiểm định chất lượng và cấp phép nhập khẩu. Ví dụ, ngành thủy sản đang đối mặt với yêu cầu về nguồn gốc nuôi trồng bền vững và truy xuất minh bạch nhằm duy trì chứng nhận ASC (Hội đồng quản lý nuôi trồng thủy sản), BAP (Tiêu chuẩn thực hành nuôi trồng thủy sản), MSC (Hội đồng quản lý biển) để tiếp cận các thị trường cao cấp.

Dưới góc độ lý thuyết các bên liên quan, các đối tác thương mại quốc tế và các tập đoàn đa quốc gia trong chuỗi cung ứng toàn cầu đang trở thành những tác nhân gây áp lực đáng kể đối với doanh nghiệp Việt Nam. Việc tuân thủ các tiêu chuẩn ESG ngày càng trở thành điều kiện quan trọng để doanh nghiệp duy trì khả năng tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Tuy nhiên, việc tuân thủ ESG hiện nay chủ yếu mang tính bị động. Phần lớn doanh nghiệp mới chỉ cải thiện ESG khi chịu sức ép từ khách hàng lớn hoặc để duy trì đơn hàng xuất khẩu, thay vì xuất phát từ nhận thức chiến lược dài hạn. Ngoài ra, các doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn gặp khó khăn lớn trong việc đáp ứng yêu cầu này do thiếu năng lực kỹ thuật, chi phí đầu tư cao và thiếu thông tin hướng dẫn từ cơ quan chức năng.

4.1.3. Xu hướng từ hệ thống tài chính trong nước

Hệ thống tài chính trong nước đang từng bước lồng ghép các yếu tố ESG vào hoạt động điều hành, quản lý và cấp vốn, góp phần định hình môi trường đầu tư có trách nhiệm và bền vững hơn. Một trong những dấu mốc quan trọng là việc Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư số 17/2022/TT-NHNN, có hiệu lực từ ngày 1/1/2023 [14]. Theo đó, các tổ chức tín dụng được yêu cầu tích hợp các yếu tố môi trường và xã hội vào quy trình đánh giá tín dụng, đặc biệt đối với các dự án có nguy cơ tác động tiêu cực đến môi trường như nhiệt điện than, khai thác khoáng sản, xây dựng khu công nghiệp và bất động sản quy mô lớn.

Một số NHTM lớn tại Việt Nam đã chủ động đi trước trong việc áp dụng tiêu chí ESG vào hệ thống quản trị rủi ro

tín dụng. Chẳng hạn, NHTM cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) và NHTM cổ phần Á Châu (ACB) đã xây dựng bộ công cụ chấm điểm rủi ro môi trường - xã hội nội bộ nhằm đánh giá các dự án vay vốn. NHTM cổ phần Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank), với định hướng phát triển ngân hàng xanh, đã đẩy mạnh tài trợ cho các dự án năng lượng tái tạo và doanh nghiệp có chứng nhận ISO 14001 về quản lý môi trường. Theo báo cáo thường niên 2022 của NHTM cổ phần Công Thương Việt Nam (VietinBank), tỷ lệ dư nợ cấp cho dự án năng lượng tái tạo đã tăng hơn 35% so với năm 2021 [15].

Xu hướng thúc đẩy tài chính xanh và tài chính bền vững thông qua ESG trong hệ thống tài chính nội địa là một bước tiến quan trọng. Tuy nhiên, nhiều tổ chức tín dụng vẫn đang ở giai đoạn khởi đầu trong việc tích hợp ESG, thiếu nguồn nhân lực chuyên trách, dữ liệu đáng tin cậy và công cụ giám sát hiệu quả [16]. Sự đồng bộ giữa các Bộ, ngành và tổ chức tài chính là điều kiện cần thiết để ESG trở thành một phần thực chất trong cấu trúc tài chính quốc gia.

Từ góc độ lý thuyết các bên liên quan, những thay đổi trong chính sách công, yêu cầu từ thị trường quốc tế và hệ thống tài chính có thể được xem là các nguồn áp lực quan trọng thúc đẩy doanh nghiệp tích hợp ESG vào quản trị. Các bên liên quan như cơ quan quản lý nhà nước, nhà đầu tư quốc tế, ngân hàng và khách hàng toàn cầu ngày càng đóng vai trò định hình hành vi quản trị của doanh nghiệp theo hướng bền vững.

4.2. Thực tiễn triển khai ESG tại Việt Nam

Từ góc độ mô hình ba trụ cột phát triển bền vững, việc triển khai ESG trong doanh nghiệp có thể được xem là quá trình cân bằng giữa ba mục tiêu: hiệu quả kinh tế, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường. Trong thực tiễn tại Việt Nam, mức độ chú trọng giữa các trụ cột này có sự khác biệt đáng kể giữa các nhóm doanh nghiệp.

4.2.1. Doanh nghiệp lớn (bao gồm cả doanh nghiệp niêm yết và chưa niêm yết)

Các doanh nghiệp lớn tại Việt Nam có điều kiện thuận lợi hơn trong việc triển khai ESG nhờ vào tiềm lực tài chính mạnh, đội ngũ nhân sự chuyên môn và khả năng tiếp cận công nghệ tiên tiến. Đa số doanh nghiệp trong nhóm này hoạt động trong các ngành công nghiệp nặng, bất động sản, thực phẩm - đồ uống và công nghệ, vốn chịu áp lực cao từ nhà đầu tư nước ngoài cũng như khách hàng toàn cầu.

Tuy nhiên, dù nhiều công ty đã bắt đầu công bố báo cáo phát triển bền vững theo khung của Tổ chức Sáng kiến báo cáo toàn cầu (GRI) hoặc tích hợp ESG vào báo cáo thường niên, mức độ triển khai vẫn còn thiên lệch về mặt hình thức. Thực tế cho thấy, có sự thiếu đồng bộ trong việc áp dụng các tiêu chuẩn ESG quốc tế. Theo VCCI (2023) [17], chỉ 31% doanh nghiệp lớn có báo cáo ESG được kiểm toán độc lập, dẫn đến hạn chế trong tính minh bạch và khả năng so sánh quốc tế.

Một số ngành có mức độ triển khai ESG cao là thực phẩm, đồ uống, bất động sản và công nghệ. Các tiêu chí được doanh nghiệp chú trọng nhiều nhất là quản lý môi trường (E), đặc biệt là tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải, sử dụng tài nguyên hiệu quả và tái chế chất thải. Tuy nhiên, các khía cạnh xã hội (S) và quản trị (G) vẫn chưa được đầu tư tương xứng, chủ yếu mới dừng lại ở việc tuân thủ pháp luật.

Một số doanh nghiệp như Vinamilk đã đạt chứng nhận ISO 14001 và 50001, vận hành các trang trại điện mặt trời và đặt mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Công ty cũng có chiến lược liên kết sản xuất với nông dân theo mô hình bền vững, hỗ trợ tài chính, kỹ thuật và tiêu chuẩn hóa quy trình chăn nuôi. Tập đoàn FPT triển khai hệ thống giám sát năng lượng trung tâm, sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để đo lường phát thải nội bộ và cung cấp giải pháp phần mềm hỗ trợ ESG cho khách hàng. Công ty cũng ban hành bộ quy tắc đạo đức ESG áp dụng toàn hệ thống. Tập đoàn Vingroup, thông qua VinFast và Vinhomes, đang đầu tư mạnh vào năng lượng tái tạo, nhà ở thông minh và phương tiện giao thông điện, đồng thời công bố kế hoạch đo lường dấu chân carbon cho toàn chuỗi giá trị.

Động lực chính khiến các doanh nghiệp lớn theo đuổi ESG đến từ: Áp lực từ nhà đầu tư và thị trường quốc tế; mục tiêu phát triển thị trường xuất khẩu sang EU, Bắc Mỹ và Nhật Bản; mong muốn nâng cao hình ảnh thương hiệu và giảm thiểu rủi ro dài hạn.

Dưới góc nhìn của mô hình ba trụ cột phát triển bền vững, các doanh nghiệp lớn tại Việt Nam có xu hướng tập trung mạnh hơn vào yếu tố môi trường (E), đặc biệt trong các hoạt động giảm phát thải và tiết kiệm năng lượng. Tuy nhiên, các khía cạnh xã hội (S) và quản trị (G) vẫn còn chưa được tích hợp đầy đủ vào chiến lược doanh nghiệp, cho thấy sự mất cân đối trong triển khai ESG. Thách thức lớn nhất là thiếu nhân sự chuyên trách về ESG có năng lực phân tích chiến lược; thiếu khung tiêu chuẩn ESG quốc gia dẫn đến khó khăn trong lựa chọn mô hình áp dụng; gánh nặng chi phí ban đầu cho công nghệ và hệ thống giám sát.

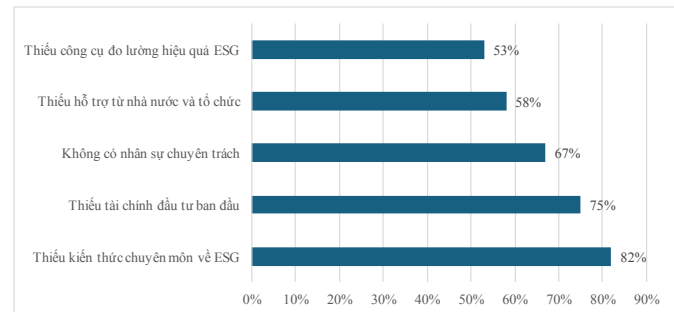
4.2.2. Doanh nghiệp vừa và nhỏ

Mặc dù đóng vai trò cốt lõi trong nền kinh tế, phần lớn SMEs tại Việt Nam vẫn ở ngoài lề trong quá trình chuyển đổi ESG. Đây là nhóm doanh nghiệp có khả năng thích ứng nhanh, linh hoạt nhưng lại chịu hạn chế lớn về nguồn lực, thông tin và năng lực quản trị.

Doanh nghiệp SMEs chiếm trên 95% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam, đóng góp khoảng 40-45% GDP và 30-31% tổng thu ngân sách. Tuy nhiên, chỉ có 25-30% SMEs đã bắt đầu triển khai ESG, mức thấp hơn đáng kể so với các doanh nghiệp lớn [18]. Theo PwC Việt Nam (2022) [6], 61% doanh nghiệp tại Việt Nam chưa cam kết hoặc bắt đầu triển khai ESG, trong đó nguyên nhân chính là “thiếu kiến thức”. Hơn nữa, 71% doanh nghiệp vẫn chưa thu thập hoặc chỉ

bắt đầu thu thập dữ liệu ESG thiết yếu để báo cáo, phản ánh khoảng cách rõ rệt giữa cam kết và hành động cụ thể.

Đối với nhóm SMEs, VCCI cùng Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) chỉ ra rằng mô hình này là nhóm yếu thế trong tiếp cận tài chính xanh, đối tác quốc tế và chuỗi cung ứng toàn cầu do hạn chế về nhân lực và nguồn lực triển khai ESG thực tiễn.



Hình 1. Rào cản chính khi triển khai ESG tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Nguồn: PricewaterhouseCoopers [6].

Hình 1 cho thấy, các rào cản chính khi triển khai ESG trong SMEs chủ yếu liên quan đến hạn chế về năng lực và nguồn lực. Trong đó, thiếu kiến thức chuyên môn về ESG là rào cản lớn nhất (82%), tiếp theo là thiếu nguồn tài chính đầu tư ban đầu (75%) và không có nhân sự chuyên trách (67%). Ngoài ra, thiếu sự hỗ trợ từ nhà nước và các tổ chức (58%) và thiếu công cụ đo lường hiệu quả ESG (53%) cũng gây khó khăn cho doanh nghiệp. Kết quả này cho thấy, SMEs gặp trở ngại cả về kiến thức, tài chính và hệ thống hỗ trợ khi triển khai ESG.

Một số trường hợp thành công cho thấy, tiềm năng cải thiện nếu được hỗ trợ đúng cách có thể kể đến như: EDE Coffee đã đạt chứng nhận Rainforest Alliance, ứng dụng nông nghiệp bền vững, giảm phát thải, và nâng cao đời sống cho nông hộ đồng bào thiểu số. Tôn Hoa Sen áp dụng điện mặt trời áp mái giúp tiết kiệm gần 500.000 kWh/năm, đồng thời ban hành chính sách ưu tiên nhà cung cấp xanh [19]. Greenjoy là một doanh nghiệp khởi nghiệp tại Cần Thơ chuyên sản xuất ống hút từ cỏ bàng, đạt tiêu chuẩn vệ sinh EU, hướng tới sản phẩm thân thiện môi trường và phát triển cộng đồng địa phương [20].

Một điểm đáng chú ý là các SMEs theo đuổi ESG phần lớn xuất phát từ nhu cầu của thị trường quốc tế hoặc nhận được sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế như Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ), Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) và Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB). Các tổ chức này thường đóng vai trò cung cấp chương trình hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo nâng cao năng lực, tư vấn xây dựng chiến lược ESG và một số nguồn tài trợ cho các dự án thí điểm, qua đó giúp doanh nghiệp từng bước tiếp cận và triển khai các tiêu chuẩn ESG. Trong khi đó, phần lớn SMEs trong nước vẫn chưa coi ESG là một giá trị gia tăng mà chủ yếu xem đây là một khoản chi phí bổ sung. Theo lý thuyết các bên liên quan, các doanh nghiệp nhỏ và vừa

thường chịu áp lực ESG thấp hơn do ít chịu sự giám sát từ nhà đầu tư quốc tế hoặc thị trường vốn. Điều này phần nào lý giải vì sao động lực triển khai ESG của nhiều SMEs chủ yếu đến từ yêu cầu của đối tác xuất khẩu hoặc từ các chương trình hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao năng lực của các tổ chức quốc tế.

4.2.3. Ngân hàng và tổ chức tài chính

Ngành tài chính ngân hàng là ngành có mức độ áp dụng ESG rõ nét nhất tại Việt Nam, đóng vai trò trung gian vốn thúc đẩy ESG trong toàn nền kinh tế. Với vai trò huyết mạch tài chính, các ngân hàng không chỉ chịu ảnh hưởng bởi các quy định trong nước mà còn bởi các chuẩn mực quốc tế như Nguyên tắc Đầu tư có trách nhiệm của Liên hợp quốc (UNPRI), Nhóm đặc nhiệm về công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu (TCFD) và tiêu chuẩn của các tổ chức tài chính đa phương như IFC, ADB.

Từ năm 2022, Thông tư số 17/2022/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã yêu cầu tất cả tổ chức tín dụng lồng ghép đánh giá rủi ro môi trường - xã hội vào quá trình thẩm định tín dụng, đặc biệt với các dự án tiềm ẩn rủi ro cao như năng lượng, khai thác tài nguyên và công nghiệp nặng [14]. Đây là bước đi quan trọng nhằm thể chế hóa ESG trong hoạt động ngân hàng.

Một số ngân hàng đã đi trước xu hướng này như VietinBank đã áp dụng bộ tiêu chí ESG cho 25 ngành kinh tế, triển khai báo cáo tích hợp ESG từ năm 2022, đồng thời xây dựng hệ thống cảnh báo sớm rủi ro ESG dựa trên dữ liệu lịch sử và phân tích xu hướng thị trường [15]. Hay HDBank đã dành hơn 15% tổng dư nợ doanh nghiệp cho các dự án xanh như năng lượng mặt trời, điện gió, xử lý nước thải. Ngân hàng cũng triển khai đào tạo nội bộ về ESG cho cán bộ thẩm định và tư vấn cho khách hàng vay [21]. Các NHTM cổ phần Tiên Phong (TPBank) và NHTM cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) đã phối hợp với IFC, World Bank và ADB cung cấp các gói tín dụng ưu đãi cho doanh nghiệp nhỏ thực hiện chuyển đổi xanh và tuân thủ tiêu chuẩn lao động quốc tế.

Bên cạnh ngân hàng, các quỹ đầu tư cũng đang điều chỉnh danh mục theo hướng ESG. Dragon Capital, VinaCapital và SSI Sustainable Fund đã áp dụng mô hình “sàng lọc tiêu cực” để loại các doanh nghiệp vi phạm môi trường, đạo đức kinh doanh hoặc lao động. Một số doanh nghiệp bị loại khỏi danh mục đầu tư do thiếu công bố ESG minh bạch hoặc có dấu hiệu vi phạm đạo đức.

Trong hệ sinh thái ESG, các tổ chức tài chính đóng vai trò trung gian quan trọng trong việc truyền dẫn các tiêu chuẩn phát triển bền vững đến doanh nghiệp. Theo cách tiếp cận của lý thuyết các bên liên quan, ngân hàng không chỉ cung cấp vốn mà còn đóng vai trò giám sát và thúc đẩy các chuẩn mực môi trường - xã hội thông qua cơ chế thẩm định tín dụng và quản trị rủi ro. Tuy nhiên, hệ sinh thái tài chính xanh tại Việt Nam vẫn còn nhiều rào cản: Chưa có bộ chỉ số ESG quốc gia làm cơ

sở chuẩn hóa đánh giá; thiếu dữ liệu ESG đáng tin cậy từ phía doanh nghiệp đi vay, khiến ngân hàng gặp khó khăn trong định giá rủi ro; chi phí triển khai cao trong việc thiết lập hệ thống đo lường ESG hiệu quả cần đầu tư vào hạ tầng công nghệ và đào tạo nhân lực chuyên sâu; chưa có chính sách ưu đãi đủ mạnh từ phía nhà nước để khuyến khích dòng vốn ESG như ưu đãi thuế, tín dụng hoặc bảo lãnh rủi ro.

Bảng 1. So sánh triển khai ESG giữa các nhóm doanh nghiệp.

Nội dung	Doanh nghiệp lớn	SMEs	Ngân hàng
Động lực ESG	Nhà đầu tư	Chuỗi cung ứng	Quản trị rủi ro
Mức độ triển khai	Trung bình - cao	Thấp	Trung bình
Rào cản chính	Nhân lực ESG	Chi phí	Dữ liệu ESG

Nguồn: Tác giả tổng hợp.

Kết quả bảng 1 cho thấy, mức độ triển khai ESG tại Việt Nam có sự khác biệt đáng kể giữa các nhóm doanh nghiệp. Trong khi các doanh nghiệp lớn và các tổ chức tài chính có xu hướng tiếp cận ESG mang tính chiến lược hơn do chịu áp lực từ nhà đầu tư và yêu cầu quản trị rủi ro, khu vực SMEs vẫn chủ yếu ở giai đoạn nhận thức ban đầu và đối mặt với nhiều hạn chế về nguồn lực. Kết quả này cũng phù hợp với cách tiếp cận của lý thuyết các bên liên quan do R.E. Freeman (1984) [3] đề xuất, theo đó mức độ triển khai ESG của doanh nghiệp chịu ảnh hưởng đáng kể từ áp lực và kỳ vọng của các nhóm chủ thể liên quan. Đồng thời, dưới góc nhìn của mô hình ba trụ cột phát triển bền vững của J. Elkington (1997) [4], sự khác biệt này phản ánh mức độ cân bằng chưa đồng đều giữa các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị trong các nhóm doanh nghiệp tại Việt Nam.

4.3. Thách thức và khoảng trống trong thực thi ESG tại Việt Nam

Từ góc nhìn của mô hình ba trụ cột phát triển bền vững và lý thuyết các bên liên quan, những rào cản trong thực thi ESG tại Việt Nam có thể được phân thành ba nhóm chính: (i) rào cản thể chế và khung pháp lý; (ii) rào cản năng lực quản trị doanh nghiệp; và (iii) rào cản từ hệ sinh thái thị trường và tài chính.

Rào cản thể chế và khung pháp lý: Việc thiếu một bộ tiêu chuẩn ESG thống nhất, phù hợp với điều kiện Việt Nam và được công nhận chính thức ở cấp quốc gia đã khiến nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong quá trình áp dụng. Hiện tại, các doanh nghiệp phải tự lựa chọn giữa nhiều bộ tiêu chuẩn quốc tế như GRI, Chuẩn mực kế toán bền vững (SASB), Nhóm đặc nhiệm về công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu (TCFD). Việc này dẫn đến sự thiếu nhất quán trong báo cáo ESG, gây khó khăn cho việc so sánh, đánh giá kết quả giữa các doanh nghiệp trong cùng ngành hoặc giữa các vùng miền.

Ngoài ra, các văn bản pháp lý liên quan đến ESG hiện vẫn mang tính định hướng và khuyến khích, chưa có cơ chế cưỡng chế hoặc chế tài cụ thể. Ví dụ, mặc dù Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) yêu cầu doanh nghiệp niêm yết công bố

báo cáo phát triển bền vững theo chuẩn GRI từ năm 2016, nhưng không có quy định xử phạt đối với việc không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ. Điều này khiến nhiều doanh nghiệp xem nhẹ ESG, chỉ làm mang tính hình thức để đối phó với yêu cầu của nhà đầu tư hoặc các bên liên quan quốc tế.

Rào cản năng lực quản trị của doanh nghiệp: Nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là SMEs, chưa có đội ngũ cán bộ chuyên trách ESG được đào tạo bài bản. Điều này dẫn đến tình trạng các hoạt động ESG chỉ mang tính hình thức, thiếu chiều sâu và không được gắn kết với chiến lược phát triển dài hạn. Một số doanh nghiệp có báo cáo ESG nhưng không có kế hoạch hành động cụ thể, chỉ dừng lại ở mức thống kê số liệu mà không có đánh giá tác động hay lộ trình cải thiện. Ngoài ra, việc thiếu sự hỗ trợ kỹ thuật từ bên ngoài cũng khiến quá trình triển khai gặp nhiều trở ngại.

Rào cản từ hệ sinh thái thị trường và tài chính: Một trong những rào cản lớn nhất hiện nay là chi phí đầu tư ban đầu cho ESG, đặc biệt trong lĩnh vực môi trường như xây dựng hệ thống xử lý chất thải, công nghệ tiết kiệm năng lượng hay đầu tư thiết bị kiểm soát và giám sát phát thải. Những khoản đầu tư này đòi hỏi nguồn vốn lớn và thời gian thu hồi dài, khiến nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là SMEs khó tiếp cận. Trong khi đó, hệ thống hỗ trợ tài chính hiện nay vẫn còn rời rạc và thiếu nhất quán. Các gói tín dụng xanh hiện có chủ yếu do các tổ chức quốc tế tài trợ hoặc một vài NHTM tự triển khai với quy mô hạn chế, điều kiện khắt khe và thiếu minh bạch. Ưu đãi thuế cho doanh nghiệp triển khai ESG chưa được thể chế hóa thành chính sách dài hạn hoặc áp dụng rộng rãi.

Bên cạnh đó, một trong những yếu tố cốt lõi để triển khai ESG hiệu quả là khả năng thu thập, đo lường, xử lý và giám sát minh bạch dữ liệu liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị. Tuy nhiên, hiện nay phần lớn doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là SMEs, chưa xây dựng được hệ thống công nghệ thông tin đủ mạnh để thực hiện các hoạt động này. Các phần mềm quản trị dữ liệu ESG còn thiếu phổ biến, chi phí triển khai cao, và đa phần doanh nghiệp phải phụ thuộc vào báo cáo thủ công, gây thiếu chính xác và khó kiểm chứng.

Ở cấp quốc gia, Việt Nam vẫn chưa có hệ thống dữ liệu ESG tập trung có thể kết nối thông tin giữa các bộ, ngành, tổ chức tài chính và doanh nghiệp. Sự thiếu hụt này dẫn đến khó khăn trong việc theo dõi xu hướng phát triển bền vững, đánh giá mức độ tuân thủ ESG cũng như điều chỉnh chính sách vĩ mô phù hợp. Điều này cũng hạn chế khả năng tích hợp ESG vào quá trình hoạch định ngân sách, cấp phép đầu tư và giám sát thực thi cam kết quốc tế như Hội nghị COP26, Các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs).

Khoảng cách giữa nhận thức và hành động: Dù nhận thức về ESG trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam đã được cải thiện đáng kể trong những năm gần đây, song thực tế triển khai vẫn còn hạn chế và chưa tương xứng. Theo khảo sát của PwC

(2022) [6], khoảng 75% doanh nghiệp được hỏi cho biết đã nghe đến ESG, nhưng chỉ khoảng 28% thực sự có chiến lược cụ thể để tích hợp ESG vào mô hình kinh doanh. Điều này cho thấy khoảng cách lớn giữa nhận thức và hành động thực tế.

Bảng 2. Mức độ nhận thức và triển khai ESG tại doanh nghiệp Việt Nam.

Nội dung	Doanh nghiệp lớn	SMEs	Ngân hàng
Nhận thức về ESG	80%	55%	90%
Có chiến lược ESG chính thức	45%	15%	60%
Công bố báo cáo ESG	35%	10%	50%
Tích hợp ESG vào quản trị rủi ro	40%	12%	65%

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các báo cáo của PwC, IFC và World Bank (2024).

Kết quả bảng 2 cho thấy, sự khác biệt đáng kể giữa các nhóm doanh nghiệp. Trong khi các doanh nghiệp lớn và ngân hàng đã bắt đầu tích hợp ESG vào chiến lược quản trị, phần lớn SMEs mới dừng lại ở mức nhận thức ban đầu và chưa có hệ thống quản trị ESG chính thức. Điều này phản ánh khoảng cách đáng kể giữa nhận thức và hành động trong triển khai ESG, đặc biệt tại khu vực SMEs.

Nguyên nhân một phần đến từ việc thiếu áp lực đồng bộ từ các bên liên quan. Tại Việt Nam, nhà đầu tư và cổ đông cá nhân hiếm khi đặt yêu cầu rõ ràng về ESG trong hoạt động giám sát doanh nghiệp, trong khi các cơ quan quản lý nhà nước mới chỉ dừng lại ở mức khuyến khích, chứ chưa có chế tài bắt buộc đối với nhiều ngành. Ngoài ra, người tiêu dùng trong nước vẫn đặt nặng yếu tố giá cả hơn là các tiêu chí phát triển bền vững, khiến doanh nghiệp không thấy cần thiết phải đầu tư mạnh cho ESG.

5. Kết luận

Nghiên cứu đã làm rõ bức tranh tổng thể về thực tiễn triển khai ESG tại Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và xu hướng phát triển bền vững trở thành tiêu chuẩn cạnh tranh mới của doanh nghiệp. Việc nâng cao hiệu quả triển khai ESG tại Việt Nam không chỉ là yêu cầu từ các cam kết quốc tế mà còn là nhu cầu nội tại để nâng cao sức cạnh tranh, khả năng tiếp cận thị trường và khả năng chống chịu trước rủi ro dài hạn cho doanh nghiệp. Dưới đây là các định hướng và giải pháp chính cần được chú trọng:

Hoàn thiện khung pháp lý và tiêu chuẩn ESG quốc gia: Việt Nam cần xây dựng một khung ESG quốc gia thống nhất, tương thích với các chuẩn mực quốc tế như GRI, TCFD, SASB nhưng đồng thời phải linh hoạt để phù hợp với điều kiện nội tại. Bộ tiêu chuẩn ESG nên được cụ thể hóa theo từng nhóm ngành, chia theo quy mô doanh nghiệp (lớn, vừa, nhỏ), nhằm đảm bảo tính khả thi và tránh gây áp lực quá mức lên các SMEs. Việc này đòi hỏi sự phối hợp liên ngành giữa Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương, cùng sự tư vấn kỹ thuật từ các tổ chức như IFC, UNDP, ADB.

Phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng lực quản trị ESG: Việc thiếu hụt nhân lực chuyên môn là một rào cản lớn trong triển khai ESG. Chính phủ cần thúc đẩy các chương trình đào tạo chính quy và không chính quy về ESG, lồng ghép ESG vào chương trình đại học ngành quản trị, tài chính, kỹ thuật, công nghệ và luật. Đồng thời, các trường đại học nên phối hợp với doanh nghiệp để xây dựng khóa học thực hành ESG. Các hiệp hội ngành nghề như VCCI, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam (VINASME), hay các liên minh sản xuất sạch cũng cần phát triển các chứng chỉ ESG chuyên sâu cho cán bộ quản lý, tư vấn viên và kiểm toán viên ESG.

Tăng cường động lực tài chính và khuyến khích thị trường xanh: Để thúc đẩy ESG, Nhà nước nên có các cơ chế khuyến khích mạnh mẽ như miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các công ty đạt chuẩn ESG, hỗ trợ tài chính cho kiểm toán báo cáo bền vững hoặc phí chứng nhận môi trường (ISO 14001, ISO 50001). Ngoài ra, cần phát triển quỹ tín dụng xanh, quỹ đổi mới sáng tạo ESG và công bố danh mục dự án đầu tư công xanh. Các tổ chức tín dụng nên xây dựng bộ tiêu chí ESG nội bộ để thẩm định dự án và ưu tiên cho vay với doanh nghiệp đạt chuẩn. Thị trường trái phiếu xanh cũng cần được thúc đẩy thông qua cơ chế bảo lãnh, giảm phí phát hành và công khai minh bạch tiêu chí ESG.

Thiết lập cơ sở dữ liệu ESG quốc gia và hạ tầng kỹ thuật số: Một trong những thách thức lớn là thiếu thông tin và dữ liệu ESG. Việt Nam cần thành lập một nền tảng dữ liệu ESG tập trung do cơ quan nhà nước vận hành, liên thông với dữ liệu từ các Bộ, ngành, doanh nghiệp, cơ quan chứng khoán và ngân hàng. Hệ thống này không chỉ phục vụ công bố thông tin mà còn là cơ sở để phân tích rủi ro ESG toàn ngành. Cần đầu tư ứng dụng các công nghệ mới như blockchain để xác thực dữ liệu, trí tuệ nhân tạo (AI) để phân tích xu hướng ESG, và Internet vạn vật (IoT) để đo lường phát thải, tiêu thụ năng lượng và tài nguyên theo thời gian thực.

Xây dựng hệ sinh thái khuyến khích ESG và trách nhiệm đa bên: Việc triển khai ESG cần một hệ sinh thái đồng bộ với sự tham gia của tất cả các bên liên quan. Nhà nước không chỉ giữ vai trò định hướng chính sách mà cần lồng ghép ESG vào quy trình phê duyệt đầu tư, đấu thầu, cấp phép và mua sắm công. Cộng đồng tiêu dùng, báo chí và xã hội dân sự cần đóng vai trò giám sát và phản biện chính sách ESG của doanh nghiệp. Các nhà đầu tư, quỹ đầu tư và cổ đông cũng nên tích cực thúc đẩy ESG thông qua yêu cầu công bố minh bạch và ưu tiên rót vốn vào doanh nghiệp bền vững.

Nhìn chung, ESG cần được xem là một trụ cột trong chiến lược phát triển quốc gia, gắn với các mục tiêu net zero, tăng trưởng xanh và chuyển đổi số. Với sự phối hợp đồng bộ giữa khu vực công, khu vực tư và các tổ chức quốc tế, Việt Nam có tiềm năng trở thành điểm sáng về quản trị bền vững trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] PwC (2021), "Press release", *PwC Vietnam*, <https://www.pwc.com/vn/vn/media/press-release/211105-esg-investors-vn.pdf>, accessed 20 May 2025 (in Vietnamese).
- [2] United Nations Global Compact (2004), *Who Cares Wins: Connecting Financial Markets to A Changing World*.
- [3] R.E. Freeman (1984), *Strategic Management: A Stakeholder Approach*, Pitman, 276pp.
- [4] J. Elkington (1997), *Cannibals with Forks: The Triple Bottom Line of 21st Century Business*, Capstone, 407pp.
- [5] M. Khan, G. Serafeim, A. Yoon (2016), "Corporate sustainability: First evidence on materiality", *The Accounting Review*, **91**(6), pp.1697-1724, DOI: 10.2308/accr-51383.
- [6] PwC Vietnam (2022), *Vietnam ESG Readiness Report 2022*, <https://www.pwc.com/vn/en/publications/vietnam-esg-readiness-report-2022.html>, accessed 15 May 2025.
- [7] M.E. Porter, M.R. Kramer (2011), "Creating shared value", *Harvard Business Review*, **89**(1/2), pp.62-77.
- [8] Government of Vietnam (2020), *Resolution No. 136/NQ-CP on Sustainable Development* (in Vietnamese).
- [9] Prime Minister of Vietnam (2022), *Decision No. 167/QĐ-TTg Approving The Program to Support Sustainable Private Sector Enterprises for The Period 2022-2025* (in Vietnamese).
- [10] National Assembly of The Socialist Republic of Vietnam (2020), *Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14* (in Vietnamese).
- [11] Ministry of Finance (2020), *Circular No. 96/2020/TT-BTC Guiding Information Disclosure on The Stock Market* (in Vietnamese).
- [12] Prime Minister of Vietnam (2022), *Decision No. 368/QĐ-TTg Approving The Financial Strategy to 2030* (in Vietnamese).
- [13] International Finance Corporation (2021), *Creating Markets in Vietnam: Country Private Sector Diagnostic*, IFC.
- [14] State Bank of Vietnam (2022), *Circular No. 17/2022/TT-NHNN on Environmental Risk Management in Credit Activities* (in Vietnamese).
- [15] VietinBank (2023), *Annual Report and Integrated ESG Report*, <https://www.vietinbank.vn/web/home/vn/about/annual-reports.html>, accessed 22 May 2025 (in Vietnamese).
- [16] KPMG International (2022), *Survey of Sustainability Reporting 2022: Insights for Vietnam*, *KPMG Vietnam*, <https://kpmg.com/vn/en/insights/2022/10/survey-of-sustainability-reporting-2022.html>, accessed 20 May 2025.
- [17] Vietnam Chamber of Commerce and Industry (2023), *ESG Report and Vietnam Sustainable Business Index*, <https://vcciesg.vn>, accessed 10 June 2025.
- [18] Vietnam News (2025), "Small and medium-sized enterprises focus on ESG practices", <https://en.vietnamplus.vn/small-and-medium-sized-enterprises-focus-on-esg-practices-post307838.vnp>, accessed 12 June 2025.
- [19] Rainforest Alliance (2023), "Certified coffee supply chain partners", <https://www.rainforest-alliance.org/business>, accessed 22 May 2025.
- [20] Greenjoy (2023), "Product information and quality certification", <https://greenjoy.vn>, accessed 20 May 2025 (in Vietnamese).
- [21] HDBank (2024), *Sustainability Report*, Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank.